TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày 06-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Miên;

2. Ông Lê Thanh Khởi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, đường N, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trang Thành T; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh L; địa chỉ làm việc: Đường Đ, ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 4041/2018/GUQ-PL ngày 10 tháng 12 năm 2018). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N;

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-8-2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trang Thành T, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01-02-2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh L (gọi tắt là Ngân hàng S) với bà Nguyễn Thị Kim N có ký Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1803200571. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng S cho bà N vay số tiền 180.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh có liên quan, thỏa thuận lãi suất 8,4%/năm, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay; tổng số tiền vốn gốc và lãi phải trả là 255.600.000 đồng; phương thức trả vốn và lãi chia đều thành nhiều kỳ, 01 tháng/kỳ, mỗi kỳ trả 4.260.000 đồng, trả vào ngày 31 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 31-3-2018. Ngay khi ký kết hợp đồng vào ngày 01-02-2018, bà N đã nhận đủ số tiền vốn vay.

Sau khi vay, bà N trả nợ tiền gốc và lãi tổng cộng là 28.326.476 đồng. Đến ngày 01-10-2018, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đó là không thực hiện đúng định kỳ trả nợ gốc, lãi hàng tháng để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng S đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06-11-2019) bao gồm tiền vốn gốc 160.493.524 đồng, tiền lãi trong hạn 18.144.000 đồng, tiền lãi quá hạn 3.007.200 đồng, tổng cộng 181.644.724 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia điều số LD1803200571 ngày 01-02-2018 (bản chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn đề ngày 25-01-2018 (bản chứng thực); Giấy nhận nợ số 01 ngày 01-02-2018 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 26-01-2018 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04-5-2017 (bản chứng thực); Quyết định số 4041/2018/GUQ-PL ngày 10-12-2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, V/v ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng (bản chứng thực); Quyết định số 3602/2017/QĐ-NS ngày 10-5-2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, V/v tái bổ nhiệm nhân sự (bản chứng thực); Đơn xin xác nhận đề ngày 24-6-2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh L (bản chính); 03 bảng tính lãi tiền vay của khách hàng Nguyễn Thị Kim N vào ngày 14-8-2019, ngày 27-9-2019 và ngày 06-11-2019 (bản chính).

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà biết, nhưng bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vắng mặt không có lý do và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho bà biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trang Thành T đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng S cung cấp, giao nộp thì việc khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà N là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc bà N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) ký Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều, cho bà N vay tiền với mục đích là tiêu dùng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng S với bà N là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là bà N có địa chỉ cư trú ở ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, về việc yêu cầu bà N trả tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06-11-2019) bao gồm tiền vốn gốc 160.493.524 đồng, tiền lãi trong hạn 18.144.000 đồng, tiền lãi quá hạn 3.007.200 đồng, tổng cộng 181.644.724 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-11-2019) cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1803200571 ngày 01-02-2018 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 01-02-2018 thì bà Nữ nhận tiền vay của Ngân hàng S là 180.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh có liên quan; thỏa thuận lãi suất 8,4%/năm, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay; tổng số tiền vốn gốc và lãi phải trả là 255.600.000 đồng; phương thức trả vốn và lãi chia đều thành nhiều kỳ, 01 tháng/kỳ, mỗi kỳ trả 4.260.000 đồng, trả vào ngày 31 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 31-3-2018. Sau khi vay, bà Nữ đã trả tiền nợ gốc và lãi được tổng cộng là 28.326.476 đồng. Đến ngày 01-10-2018, bà N không trả nợ gốc và lãi hàng tháng nữa nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà N còn nợ Ngân hàng S tiền vốn gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn như đã nêu trên.

[5] Theo Án lệ số 08/2016/AL về giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay".*

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91

Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc bà N phải trả nợ cho Ngân hàng S tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06-11-2019) gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán 160.493.524 đồng, tiền lãi trong hạn 18.144.000 đồng, tiền lãi quá hạn 3.007.200 đồng, tổng cộng 181.644.724 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 07-11-2019), bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (trong hạn, quá hạn) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1803200571 ngày 01-02-2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S là có căn cứ.

[8] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận toàn bộ nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 181.644.724 đồng x 5% = 9.082.236,2 đồng, làm tròn số là 9.082.236 đồng, còn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng

Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06-11-2019), bao gồm các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 160.493.524 đồng (Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng);

- Tiền lãi trong hạn: 18.144.000 đồng (Mười tám triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng);

- Tiền lãi quá hạn: 3.007.200 đồng (Ba triệu không trăm lẻ bảy nghìn hai trăm đồng).

Tổng cộng là 181.644.724 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-11-2019), bà Nguyễn Thị Kim N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (trong hạn, quá hạn) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1803200571 ngày 01-02-2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1803200571 ngày 01-02-2018, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Kim N phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

3. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 9.082.236 đồng (Chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.425.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009214 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm